

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 151/2001/QĐ-TTg ngày 05/10/2001 về việc bổ sung thành viên Ủy ban Công tác về các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Quyết định số 59/2001/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ủy ban Công tác về các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Công tác về các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung một Thứ trưởng Bộ Tài chính làm ủy viên Ủy ban Công tác về các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban Công tác về các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 152/2001/QĐ-TTg ngày 09/10/2001 về cơ chế và chính sách đầu tư trồng rừng phòng hộ đầu nguồn các tỉnh: Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Phú Yên vay vốn của Ngân hàng Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JBIC).

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Hiệp định đã ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Nhật Bản về Chương trình Tín dụng chuyên ngành, ký hiệu VN VI - 8 (Khoản cho vay đối với lâm nghiệp) tài khóa 1998;

Xét đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Văn bản số 1147/BNN-KH ngày 20 tháng 4 năm 2001), ý kiến các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư (Văn bản số 5848/BKH-NN ngày 29 tháng 8 năm 2001), Tài chính (Văn bản số 8392/TC-TCĐN ngày 05 tháng 9 năm 2001),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về cơ chế và chính sách đầu tư trồng rừng phòng hộ đầu nguồn các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Phú Yên vay vốn của Ngân hàng Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JBIC) và vốn đối ứng của Việt Nam như sau:

1. Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước cấp (vốn vay của JBIC và vốn đối ứng của ngân sách) cho trồng rừng phòng hộ được thực hiện theo chính sách đầu tư quy định tại Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ, riêng trồng mới rừng

phòng hộ ở vùng rất xung yếu và xung yếu suất đầu tư do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở quy trình kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và định mức kinh tế kỹ thuật của địa phương.

Trồng rừng sản xuất của cá nhân, hộ gia đình trên đất được giao (không phải là doanh nghiệp), Nhà nước hỗ trợ đầu tư chu kỳ đầu với mức không quá 1,9 triệu đồng/ha; suất đầu tư cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Tỷ lệ và các khoản chi từ vốn đối ứng của phía Việt Nam theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 129/1999/TT-BTC ngày 05 tháng 1 năm 1999. Ngân sách 5 tỉnh có trách nhiệm bố trí vốn đối ứng. Phần vốn đối ứng cho quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được ngân sách cân đối qua mức đầu tư hàng năm của Bộ.

3. Quyền lợi và nghĩa vụ của các hộ gia đình, cá nhân và xã tham gia dự án thực hiện theo quy định tại Quyết định số 08/2001/QĐ-TTg ngày 11 tháng 1 năm 2001 về Quy chế Quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên. Đối với rừng trồng cho phòng hộ được hưởng toàn bộ sản phẩm tía thưa, nông sản và các sản phẩm dưới tán rừng. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn cụ thể về quy trình, loại cây chính, cây phụ trợ và mức thu hoạch đối với đối tượng rừng trồng trên. Đối với trồng rừng sản xuất, chủ rừng có quyền sở hữu và hưởng toàn bộ sản phẩm khai thác từ rừng.

4. Phân cấp quản lý.

Ủy ban nhân dân các tỉnh vùng Dự án phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện các dự án cụ thể theo hướng dẫn của các Bộ và Quy chế Vay vốn của JBIC.

Điều 2. Giao Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm xây dựng chính sách, quy chế, kế hoạch triển khai, tham gia cùng các Bộ, ngành, các tỉnh có dự án xây dựng chức năng, nhiệm vụ và sơ đồ tổ chức triển khai dự án; phối hợp chặt chẽ với JBIC (Nhật Bản).

Điều 3. Bộ trưởng các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thủ trưởng các Bộ, ngành liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh: Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

NGUYỄN CÔNG TẬN

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 153/2001/QĐ-TTg ngày 09/10/2001 phê duyệt doanh nghiệp nhà nước hạng đặc biệt.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 26/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương mới trong các doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 185/TTg ngày 28/3/1996 của Thủ tướng Chính phủ về doanh nghiệp nhà nước hạng đặc biệt;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xếp doanh nghiệp nhà nước hạng đặc biệt đối với Ngân hàng phát triển Nhà đồng bằng sông Cửu Long.